| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ HÒA**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 156/2023/QĐST-HNGĐ | *Phú Hòa, ngày 28 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa:

*Nguyên đơn*: bà Trần Thị T, sinh năm 1980;

*Bị đơn:* ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977;

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Trần Thanh Q, sinh năm 1952, bà Tô Thị Hồng V, sinh năm 1958;

Đồng địa chỉ: thôn Vĩnh Ph, xã Hòa A, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Thanh Qg, bà Tô Thị Hồng V thống nhất theo sự phân chia tài sản của ông Nguyễn Đình T, bà Trần Thị T không có ý kiến gì.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1.Về tài sản chung: bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đình T thống nhất thỏa thuận như sau:: giao cho bà Trần Thị T được quyền quản lý sử dụng, định đoạt tài sản và cây trồng trên đất gồm: Nhà 01 tầng, móng cột, trần giằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, diện tích 74,2m$^2$ có giá 184.179.240đồng; phần lát gạch ceramic diện tích 81,5m$^2$, có giá 13.740.900 đồng; gạch ốp tường nhà chính diện tích

24,76m$^2$, có giá 4.382.520đồng; ốp gạch tường phòng ngủ diện tích 40,04m$^2$,có giá 7.087.080 đồng; ốp tường cầu thang diện tích 4,1m$^2$, có giá 725.000đồng; ốp tường kệ bếp diện tích 4,5m$^2$, có giá 796.500đồng; lát gạch kệ bếp diện tích 2,48m$^2$, có giá 321.408đồng; cầu thang diện tích 7,3m$^2$, có giá 4.316.928đồng; tấm đan bê tông bếp 0,324m$^3$, có giá 199.512đồng; ốp tường gạch bếp diện tích 3,3m$^2$, có giá 584.100đồng. Nhà sau mái lợp tole, nền xi măng, diện tích 23,9m$^2$ có giá 22.413.420đồng; ốp gạch tường diện tích 4,4m$^2$, có giá 389.400đồng; ốp gạch nhà vệ sinh diện tích 12m$^2$, có giá 1.062.000đồng; nền lát gạch nhà vệ sinh diện tích 10,56m$^2$, có giá 684.288đồng. Chái trước lợp tole, nền xi măng, diện tích 34,5m$^2$ có giá 14.077.000 đồng. Chái bên hông lợp tole, diện tích 43,6m$^2$ có giá 17.701.600đồng. Bi đựng nước đường kính 1,0m, cao 01m, 02 cái, có giá 1.334.400đồng. Cây trồng trên đất gồm có: 06 cây chuối giá 288.000đồng; 01 cây khế có giá 74.000đồng; 01 cây cốc giá 170.000đồng; 01 cây dừa cho trái 719.000đồng; 01 cây bê giá 192.000đồng; 02 cây mít giá 364.000đồng; 01 cây ổi giá 180.000đồng; 01 cây mận giá 180.000đồng; 02 cây đu đủ giá 100.000đồng; 05 bụi gấm giá 350.000đồng. tại thôn Vĩnh Ph, xã Hòa A, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Tổng cộng vật kiến trúc và cây trồng trên đất có giá trị: 276.612.296đồng *(Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng)*

1.2. Bà Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chung của vợ chồng lại cho ông Nguyễn Đình T số tiền 175.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)*, bà T đã giao ông T đã nhận đủ.

1.3. Bị đơn Nguyễn Đình T có nghĩa vụ thu dọn các đồ vật dụng trong nhà do ông T tự mua sắm, gồm: 01 tủ chén cầu thang; 01 tủ đụng tivi; 01 tủ trà; 01 bộ bàn salon thùng; 01 cặp loa Daltol; 01 tủ lạnh hiệu panasonic; 01 máy giặt hiệu Sanyo loại 8,5kg; 01 bàn ăn; 01 máy nước nóng; 01 bộ cửa sắt rời; 01 tủ nhôm kính; 01 gạt măng rê bếp; 01 tủ quần áo loại gỗ xuất khẩu; 01 tủ quần áo bằng nhôm; 02 chiếc giường ngủ; máy lạnh loại 1,5 ngựa hiệu panasonic; 02 lục bình bằng sứ; 01 tivi Samsung; 01 máy quạt hơi nước và bàn giao nhà cho nguyên đơn bà T vào ngày 31/01/2024.

1.4. Về chi phí định giá tài sản: Nguyên đơn bà Trần Thị T tự nguyện chịu 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) đã nộp đủ.

1.5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T tự nguyện chịu 3.457.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010102 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Nên còn phải trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị T 1.543.000 đồng *(Một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng)*. Bị đơn ông Nguyễn Đình T tự nguyện chịu 3.457.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*

**2.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- ***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND, TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hoà;
- Chi cục THADS huyện Phú Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc Hoan**